ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LƯƠNG BẰNG
UBND TỈNH HƯNG YÊN

DANH MỤC MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính
và Nghị quyết số 01/2026/NG-HBND ngày 13/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên

I. PHÍ CHỨNG THỰC

STT	TÊN PHÍ, LỆ PHÍ	MỨC THU
1	Phí chứng thực bản sao từ bản chính	2.000 đồng/đồng. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/đồng, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trường hợp cấp bản sao để đối chiếu phục vụ thủ tục hành chính thì không thu phí.
2	Phí chứng thực chữ ký	10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chữ ký trong văn bản có nội dung khác nhau thì thu phí theo số lượng chữ ký.
3	Phí chứng thực hợp đồng, giao dịch	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
4	Phí chứng thực hợp đồng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	20.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch để được chứng thực	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.

II. LỆ PHÍ HỘ TỊCH

STT	TÊN LỆ PHÍ	MỨC THU
1	Khai sinh đúng hạn	0 đồng
2	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh của người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	10.000 đồng
3	Khai tử đúng hạn	0 đồng
4	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	10.000 đồng
5	Đăng ký kết hôn	0 đồng
6	Đăng ký lại kết hôn	30.000 đồng
7	Nhận cha, mẹ, con	30.000 đồng
8	Thay đổi, cải chính, sửa đổi thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	20.000 đồng
9	Cấp giấy các chứng trang trong bản nhận	20.000 đồng
10	Đăng ký giám hộ	0 đồng
11	Đăng ký chấm dứt giám hộ	0 đồng
12	Đăng ký giám sát việc giám hộ	0 đồng
13	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	0 đồng

III. LỆ PHÍ HỘ TỊCH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

STT	TÊN LỆ PHÍ	MỨC THU
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh của người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	100.000 đồng
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	100.000 đồng
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn)	1.500.000 đồng
4	Nhận cha, mẹ, con	1.500.000 đồng
5	Đăng ký giám hộ	60.000 đồng
6	Đăng ký chấm dứt giám hộ	60.000 đồng
7	Thay đổi, cải chính, sửa đổi thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (đối với yếu tố nước ngoài)	30.000 đồng
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	100.000 đồng

IV. LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

STT	TÊN PHÍ, LỆ PHÍ	MỨC THU
1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu	25.000 đồng/giấy chứng nhận
2	Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động (bao gồm thực hiện chỉnh lý trên giấy chứng nhận đã cấp hoặc chứng nhận vào trang bổ sung hợp đồng ký kinh nhận bản nhận)	20.000 đồng/giấy chứng nhận

V. LỆ PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, VĂN BẢN, SỐ LIỆU HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

STT	TÊN PHÍ, LỆ PHÍ	MỨC THU
1	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	10.000 đồng/ trích lục, sản phẩm

VI. PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

STT	TÊN PHÍ	MỨC THU
1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân	200.000 đồng/đơn giấy chứng nhận
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân	20.000 đồng/đơn giấy chứng nhận
3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bao gồm: chỉnh sửa nội dung đã cấp sổ hồng sổ đỏ của quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân	20.000 đồng/đơn giấy chứng nhận

VII. LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

STT	TÊN LỆ PHÍ	MỨC THU
1	Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	50.000 đồng/lần tiếp

GHI CHÚ:

1. Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
2. Miễn lệ phí đối với việc đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014.
3. Một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên được thu 0 đồng khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Nghị quyết số 715/2026/NQ-HĐND ngày 01/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.